

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/DS-PT

Ngày: 24-4-2024

“V/v trA chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Thọ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Đăng

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh ThA Thảo – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn A Tuấn
- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 14/2024/TLPT-DS ngày 09/01/2024 về việc “TrA chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ánh V, sinh năm: 1948; địa chỉ: Số 0835, tổ 08, ấp Thuận Tiến B, xã Thuận A, thị xã Bình Mi, tỉnh Vĩnh L.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Chị Phạm Diễm T, sinh năm: 1980; địa chỉ: Tổ 01, khóm 4, phường Thành Phước, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh L. (Theo giấy ủy quyền ngày 15/6/2023).

- *Bị đơn:* Ông Bùi Bá Th, sinh năm: 1956 (Chết); *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị D, sinh năm: 1962.
2. Chị Bùi Thị Kim A, sinh năm: 1984.
3. A Bùi Tuấn A, sinh năm: 1992.

Cùng địa chỉ: Tổ 56, xóm Đông Thuận, phường Đông Thuận, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh L.

4. A Bùi Thế A, sinh năm: 1982; địa chỉ: Tổ 06, xóm 2, phường Thành Phước, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm: 1956; địa chỉ: 0835, tổ 8, ấp Thuận Tiến B, xã Thuận A, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh L.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1977.

3. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp Thuận Tiến A, xã Thuận A, thị xã Bình Mi, tỉnh Vĩnh L.

4. Bà Bùi Thị Út, sinh năm: 1952; địa chỉ: Ấp Thành Quý, xã Thành Tr, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh L.

5. Ông Huỳnh Văn Minh Trí, sinh năm: 1968; địa chỉ: Ấp Thuận Tiến B, xã Thuận A, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh L.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị D, chị Bùi Thị Kim A, A Bùi Tuấn A và Bùi Thế A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ánh V và người đại diện trình bày:

Ông Nguyễn Ánh V nhận chuyển nhượng phần đất của bà Đinh Thị Phở và ông Bùi Bá Th (con trai bà Phở) tại thửa 1953, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.540m² loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc tại ấp Thuận Tiến A, xã Thuận A, thị xã Bình Mi, tỉnh Vĩnh L xác lập bằng tờ chuyển nhượng đất nông nghiệp vào ngày 16/3/1990. Ông V sử dụng ổn định đến khi Nhà nước thu hồi đất ngày 22/3/2002 làm đường dẫn cầu Cần Thơ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thuận An xác nhận ông V có đủ căn cứ xét duyệt nhận tiền bồi thường.

Tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 26/5/2020 thửa 1953 nay là thửa 11, tờ bản đồ số 50, sau khi thu hồi diện tích còn 726m² do ông V sử dụng đất trên 30 năm, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế nhưng vì nghĩ là bà con ruột thịt nên ông V chưa thực hiện Th tục kê khai, đăng ký. Đến năm 2010 bà Phở chết, năm 2020 ông V đi đăng ký kê khai thì ông Bùi Bá Th ngăn cản vì vậy, ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

- Yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 1953, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.540m² (Nay là thửa đất số 11, tờ bản đồ số 50, diện tích 726m²) thuộc quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Ánh V.

Bà Huỳnh Thị C (Vợ ông V) thống nhất ý kiến của ông V.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn Bùi Bá Th trình bày:

Ông và ông Nguyễn Ánh V có mối quan hệ bà con là bạn dì ruột. Phần đất trA chấp có nguồn gốc từ ông bà bên ngoại ông để lại cho mẹ ông là bà Đinh Thị Phó đứng tên quyền sử dụng đất. Năm 1988 mẹ ông bán cho ông V 1.500m² chứ không phải bán 1.540m², đất thuộc thửa số mấy thì ông không rõ, lúc bán có rA đất rõ ràng. Thời điểm bán đất cho ông V thì có làm giấy tờ mua bán đất do chính ông viết trên giấy caro và ký tên, mẹ ông không có ký tên vào giấy bán đất do không biết chữ. Lúc đó, ông V giữ tờ giấy mua bán đất, sau đó không biết lý do gì mà ông V lại làm thêm Tờ chuyển nhượng đất nông nghiệp ngày 16/3/1990 cho rằng ông và mẹ ông chuyển nhượng 1.540m² là không đúng sự thật. Các chữ ký của ông và mẹ ông trên Tờ chuyển nhượng đất nông nghiệp ngày 16/3/1990 là giả mạo nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông V.

Tại đơn phản tố ngày 26 tháng 5 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị D, chị Bùi Thị Kim A, A Bùi Tuấn A, A Bùi Thế A là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Bị đơn Bùi Bá Th trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông Th nêu trên là đúng. Phía bị đơn chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông V là chỉ chuyển nhượng cho ông V 1.500m² thuộc thửa 1953, đồng thời bà yêu cầu công nhận cho gia đình bà phần diện tích 40m² thuộc thửa 1953 còn lại.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn T H, ông Nguyễn Văn L trình bày:

Do phần đất của ông, bà liền với thửa đất 1953 nên vào năm 2013, ông, bà có mua của ông Bùi Bá Th một phần diện tích khoảng 13m² thuộc phần diện tích 40m² thuộc thửa 1953 để được phần mặt tiền trồng cây kiểng với giá chuyển nhượng là 10.000.000 đồng và 02 chỉ V 24K. Hiện nay, phần đất 13m² thuộc phần diện tích 40m² bà đang quản lý sử dụng nhưng chưa được tách thửa và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong vụ án này, bà có ý kiến là công nhận phần diện tích 40m² thuộc thửa 1953 cho hộ bà Trần Thị D được quản lý, sử dụng còn phần diện tích mua 13m² thuộc phần diện tích 40m² của thửa 1953 thì giữa bà và bà D sẽ thỏa thuận sau.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị Út trình bày: Bà là chị ruột của ông Bùi Bá Th, trước đây bà có biết mẹ bà là bà Đinh Thị Phó có bán cho ông V 1.500m² thuộc thửa 1953. Bà không biết rõ nội dung Tờ chuyển nhượng đất nông nghiệp đề ngày 16/3/1990 nhưng bà xác định mẹ bà là bà Phó không biết viết chữ chỉ biết lặn tay nên chữ ký Phó trong tờ giấy bán đất là không phải chữ ký của mẹ bà. Bà không có yêu cầu độc lập, thống nhất ý kiến bà D.

Ông Huỳnh Văn Minh Tr thống nhất với ý kiến của bà Trần Thị D.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh L đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ánh V. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/3/1990 giữa bà Đinh Thị Phở và ông Nguyễn Ánh V có hiệu lực pháp luật và công nhận cho ông V quyền sử dụng đất thửa số 11, tờ bản đồ số 50, diện tích 726m² loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc ấp Thuận Tiến A, xã Thuận A, thị xã Bình Mi, tỉnh Vĩnh L.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị D. Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Bá Th với bà Nguyễn T H, ông Nguyễn Văn L đối với diện tích 13m² thuộc một phần thửa số 11.

Buộc bà Trần Thị D, chị Bùi Thị Kim A, A Bùi Tuấn A, A Bùi Thế A trả bà Nguyễn T H và ông Nguyễn Văn L số tiền 10.000.000 đồng và 02 chỉ V 24K.

Buộc bà H và ông L tháo dỡ sân xi măng diện tích 5,2m², trả lại cho ông V diện tích 13m² thuộc thửa số 11.

Buộc ông V trả bà H và ông L giá trị cây trồng 2.095.000 đồng. Sau khi trả đủ tiền, ông Nguyễn Ánh V được quyền sở hữu số cây trồng trên đất.

Buộc Anh Nguyễn Thế A tháo dỡ căn nhà tiền chế diện tích 48m² để trả lại thửa 11 cho ông V.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và quyền kháng cáo.

Ngày 20/9/2023 bị đơn bà Trần Thị D, Bùi Tuấn A, Bùi Thế A và Bùi Thị Kim A kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chấp nhận yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn : Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phía bị đơn xác định: Khi chuyển nhượng thửa đất 1953 cho ông V, phía bị đơn chưa lại 1 phần làm nơi cư trú cho đến nay có diện tích thực đo 95,6 m² nên yêu cầu công nhận cho phía bị đơn quyền sử dụng phần đất này.

Phía bà H, ông L có đơn đề nghị vắng mặt và thống nhất ý kiến phía bị đơn.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng tuân Th đúng pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn gồm: bà Trần Thị D, chị Bùi Thị Kim A, anh Bùi Tuấn A, A Bùi Thế A.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DSST ngày 28/5/2023 của Tòa án nhân dân Thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh L theo hướng:

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng 1500m² đất nông nghiệp giữa bà Đinh Thị Phở và ông Nguyễn Ánh V tại thửa 1953 có hiệu lực pháp luật. Công nhận cho ông Nguyễn Ánh V được quyền sử dụng phần đất tách thửa số 11 - 1, diện tích 630,4m² tờ bản đồ số 50, loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc ấp Thuận Tiến A, xã Thuận A, thị xã Bình Mi, tỉnh Vĩnh L.

Các hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phở có quyền kê khai, đăng ký thừa kế tách thửa 11-2 diện tích 95,6m² theo quy định của pháp luật.

Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của đương sự còn trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự có đơn đề nghị vắng mặt hoặc đã uỷ quyền tham gia tố tụng hợp lệ theo quy định Điều 228 và 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị D, anh Bùi Tuấn A, Bùi Thế A và chị Bùi Thị Kim A có cơ sở chấp nhận như sau:

Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Đinh Thị Phở và ông Nguyễn Ánh V chưa đủ cơ sở công nhận quyền sử dụng toàn bộ thửa đất 1953 (hiện là thửa 11) cho ông Nguyễn Ánh V bởi vì:

Hợp đồng thể hiện bằng “giấy tay” không được công chứng, chứng thực nên vi phạm về hình thức và vi phạm về nội dung pháp luật thời kỳ này nghiêm cấm chuyển nhượng đất; tuy nhiên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được thực hiện thì theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2.2 mục II của nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao thì *Toà án công nhận hợp đồng trong trường hợp: Bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã xây nhà ở, công trình kiến trúc, trồng cây lâu năm, đầu tư sản xuất, kinh doanh không vi phạm quy định về quy hoạch và bên chuyển nhượng cũng không phản đối.* Tuy nhiên, phía ông V không thuộc trường hợp đã sử dụng đất như trên nên lẽ ra vô hiệu toàn bộ hợp đồng, nhưng phía bà D vẫn đồng ý công nhận cho ông V thửa 11-2 diện tích 630,4m² nên chấp nhận.

Xét phía bị đơn trình bày: Cụ Phở không chuyển nhượng toàn bộ thửa đất

số 1953 cho ông V mà chưa lại một phần là có căn cứ: bởi vì tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/3/2024 thể hiện phần thửa 11-2 có diện tích thực đo 95,6 m² vẫn do gia đình bà D quản lý cất nhà ở, trồng cây lâu năm và rào lưới B40 cũ bao quanh phần đất này, trước nay ông V ông có sử dụng nên công nhận cho bà D, anh Tuấn A, Thế A và chị Kim A là đúng quy định tại Điều 649 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 100, 188 của Luật đất đai năm 2013.

Mặt khác, theo văn bản số 827/UBND-NC ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh thì phần đất nhà nước thu hồi thuộc thửa đất 1953 đã bồi thường cho ông V có diện tích 930m² + diện tích ông V đang quản lý diện tích 630,4m² = 1560,4m² đã vượt hơn diện tích ông V cho rằng ông nhận chuyển nhượng (1540 m²) nhưng phía bị đơn vẫn thống nhất công nhận diện tích đất này là có lợi cho ông V.

[2.2]. Về nội dung bản án sơ thẩm tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Bá Th với bà Nguyễn Thuý H, ông Nguyễn Văn L đối với diện tích 13m² thuộc một phần thửa 11; buộc bà Trần Thị D, anh Bùi Tuấn A, Bùi Thế A và chị Bùi Thị Kim A trả bà H và ông L 10.000.000đ và 02 chỉ V 24K, buộc bà H và ông L tháo dỡ sân xi măng diện tích 5,2 m² thì các đương sự không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xét theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên việc giao cả phần đất này cho ông V thì phía bị đơn có kháng cáo và theo nhận định nêu trên cần sửa án sơ thẩm phần này: Không buộc bà H và ông L giao ông V 13 m² đất này cũng không buộc ông V trả bà H, ông L giá trị cây trồng 2.095.000đ mà theo thỏa thuận: bà H ông L có nghĩa vụ giao phía bị đơn 13 m² đất này, ngược lại phía bị đơn được sở hữu số cây trồng và bồi hoàn lại ông L, bà H giá trị cây trồng bằng 2.095.000đ.

Ngoài ra cấp phúc thẩm cũng không buộc Anh Nguyễn Thế A tháo dỡ căn nhà tiền chế diện tích 48 m² để trả lại phần đất cất nhà thuộc thửa 11 cho ông V như bản án sơ thẩm đã tuyên.

[2.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Bùi Tuấn A, Bùi Thế A và Bùi Thị Kim A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; bà D, sinh năm 1962 là người cao tuổi, có yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.3]. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Quan điểm của kiểm sát viên đồng nhất quan điểm của hội đồng xét xử nêu trên.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị D, anh Bùi Tuấn A, Bùi Thế A và chị Bùi Thị Kim A.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 25-8-2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh L.

Căn cứ các Điều 148, 157, 161, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 649 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 166, 188 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ánh V.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/3/1990 giữa bà Đình Thị Phổ và ông Nguyễn Ánh V có hiệu lực pháp luật.

Công nhận cho ông Nguyễn Ánh V được quyền sử dụng phần đất thửa số 11-1, tờ bản đồ số 50, diện tích 630,4 m² loại đất LUC tọa lạc ấp Thuận Tiến A, xã Thuận A, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh L.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị D, chị Bùi Thị Kim A, anh Bùi Tuấn A, Bùi Thế A.

Công nhận cho bà Trần Thị D, chị Bùi Thị Kim A, Anh Bùi Tuấn A, Bùi Thế A quyền sử dụng đất thửa 11-2 tờ bản đồ số 50 diện tích 95,6m² loại đất LUC tọa lạc ấp Thuận Tiến A, xã Thuận A, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh L.

Bà Nguyễn T H và ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ tháo dỡ sân xi măng diện tích 5,2m², trả lại bà Trần Thị D, chị Bùi Thị Kim A, A Bùi Tuấn A, A Bùi Thế A diện tích 13m² thuộc một phần thửa số 11.

Buộc bà Trần Thị D, chị Bùi Thị Kim A, anh Bùi Tuấn A, Bùi Thế A trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L giá trị cây trồng 2.095.000 đồng (Hai triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và được quyền sở hữu 01 cây dừa, 02 cây xoài, 01 cây sakê.

3. Đương sự có quyền và nghĩa vụ đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 23/02/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh L.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự không phải nộp. Hoàn lại Anh Bùi Tuấn A, Bùi Thế A và chị Bùi Thị Kim A mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0002057, 0002058, 0002059 ngày 20/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

5. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Cấp cao;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Tòa án ND thị xã Bình Minh;
- Chi cục THA thị xã Bình Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trường Thọ